

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STC ngày tháng 01 năm 2025 của Sở Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng dự toán	Số điều chỉnh	Dự toán được sử dụng	Ước thực hiện quý 4	So sánh (%)
						Dự toán
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.921	193	21.050	5.353	25,43%
1	Chi quản lý hành chính	18.153	184	20.291	5.009	24,69%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	14.931	52	16.108	4.145	25,73%
	Quỹ lương và hoạt động	13.026	32	12.994	2.436	18,75%
	Bổ sung lương	1.395		1.395	395	28,32%
	Bổ sung lương			1.229	1.229	100,00%
	Kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua thanh tra	510	20	490	85	17,35%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.222	132	4.183	864	20,66%
	Kinh phí thực hiện công tác quyết toán NS hàng năm, công tác khóa sổ cuối năm và lập dự toán; tổng hợp báo cáo tài chính của các doanh nghiệp nước ngoài trên địa bàn tỉnh	567	28	539	230	42,67%
	Kinh phí trang phục thanh tra	42		42		0,00%
	Kinh phí thực hiện kiểm tra việc quản lý tiền công đức, tài trợ tại các di tích lịch sử- văn hóa	108	5	103		0,00%
	Kinh phí dự hội nghị và tiếp các đoàn đến làm việc theo ủy quyền của lãnh đạo Tỉnh có liên quan đến tài chính ngân sách	698	35	663		0,00%
	Kinh phí thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua sắm thường xuyên thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh	152	8	144		0,00%
	Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	300	15	285	110	38,60%
	Chi hoạt động của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự	158	10	148	28	18,92%
	Chi thu thập, tổng hợp thông tin và thực hiện báo cáo giá cả thị trường	33	2	31	30	96,77%
	Chi nhập cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; nhập, duyệt, chuẩn hóa dữ liệu về tài sản nhà nước	24	1	23	23	100,00%
	Kinh phí cho hội đồng thẩm định giá đất cụ thể đối với các dự án trên địa bàn tỉnh	187	9	178	27	15,17%
	Kinh phí thuê tư vấn thẩm định các dự án trên địa bàn tỉnh	200	10	190		0,00%
	Kinh phí thực hiện sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất trên địa bàn tỉnh (Ban chỉ đạo 167 và tổ giúp việc)	68	3	65	42	64,62%
	Kinh phí thực hiện điều tra khảo sát chi phí sản xuất và giá thành sản xuất thóc	120	6	114	52	45,61%
	Kinh phí bảo dưỡng sửa chữa nhỏ	303		303		0,00%
	Kinh phí Chính lý tài liệu	185		185		0,00%
	Kinh phí tổ chức tập huấn, triển khai Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính trên địa bàn tỉnh			224	148	66,07%
	Kinh phí trợ cấp tết			195		0,00%
	Kinh phí hoạt động công tác Đảng	77		77	27	35,06%
	Kinh phí tổ chức thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc Sở Tài chính			97		0,00%
	Kinh phí tổ chức tập huấn, triển khai quy định về tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý			116	95	81,90%
	Kinh phí tổ chức tập huấn, triển khai Luật Giá năm 2023 và các chính sách thi hành Luật			130	52	40,00%

STT	NỘI DUNG	Tổng dự toán	Số điều chỉnh	Đã được sử dụng	Ước thực hiện quý 4	Dự toán
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ			331		0,00%
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	402	9	393	191	48,63%
2.1	Kinh phí thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN	15		15	15	100,00%
2.2	Chi ứng dụng công nghệ thông tin	387	9	378	176	46,59%
	Thiết bị mạng (Router)	5		5		0,00%
	Bộ máy vi tính để bàn	135		135	133	98,52%
	Máy tính xách tay	15		15	15	100,00%
	Máy scan	20		20		0,00%
	Thuê kênh truyền số liệu chuyên dùng VNPT và Viettel tại Sở Tài chính (1 năm)	184	9	175		0,00%
	Thù lao nhuận bút tin bài	28		28	28	100,00%
3	Chi đào tạo bồi dưỡng CBCC	366	-	366	153	41,80%
3.1	Kinh phí đào tạo bồi dưỡng CBCC cơ quan	107	-	107	55	51,40%
3.2	Kinh phí hỗ trợ tự đào tạo sau đại học (Nghị quyết 12/2021/NQ-HĐND; Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND)	60		60		0,00%
3.3	Kinh phí mở lớp bồi dưỡng tiêu chuẩn, kiến thức, kỹ năng	199		199	98	49,25%